



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam
Vietnam Pepper Association
Head office: 135A Pasteur. Dist. 3 Ho Chi Minh City
Tel: (84-28) 3823.7288 – 3822.3901. Fax: (84-28) 3822.3901
Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

BẢN TIN TUẦN IPC

Số 42/21, 11-15/10/2021

THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng trái chiều với giá Hồ tiêu nội địa và quốc tế của Indonesia và Việt Nam đều ghi nhận sự gia tăng.
02. Ấn Độ - Sau 2 tuần tăng, giá tiêu Ấn Độ tuần này ghi nhận sự sụt giảm do sự suy yếu của đồng Rupee Ấn Độ so với USD (75,32 INR/USD), giảm 1%.
03. Indonesia - Thị trường nội địa và quốc tế đều cho thấy chiều hướng tích cực do sự gia tăng của đồng Rupiah Indonesia so với USD (14.177 IDR/USD), tăng 1%.
04. Malaysia - Giá tiêu nội địa Malaysia giảm trong tuần này. Trong khi đó, giá tiêu quốc tế ổn định.
05. Sri Lanka - Giá tiêu giảm nhẹ trong tuần này sau khi tăng mạnh trong tuần trước.
06. Việt Nam - Giá tiêu đen và tiêu trắng Việt Nam tiếp tục tăng trong 6 tuần qua.
07. Xuất khẩu Hồ tiêu của Thụy Sĩ (2019-2021).

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (11/-15/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	5,435 5,433 5,443 5,462 -	5,443 - 5,470	-1% ↓
 Ex-Lampung	3,695 3,693 3,692 3,709 3,728	3,703 - 3,685	1% ↑
 Ex-Kuching	4,391 4,387 4,401 4,404 4,402	4,397 - 4,615	-5% ↓
 Ex- HCM	3,611 3,674 3,714 3,736 3,739	3,695 - 3,478	6% ↑
 Sri Lanka	4,038 4,038 4,086 4,086 4,061	4,062 - 4,082	-1% ↓

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (11/-15/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang	6,263 6,260 6,258 6,288 6,319	6,278 - 6,246	1% 
 Ex-Kuching	6,358 6,352 6,372 6,376 6,373	6,366 - 6,777	-6% 
 Ex-HCM	5,564 5,563 5,561 5,562 5,566	5,563 - 5,356	4% 
 Ex-Hainan	6,150 6,150 6,150 6,150 6,150	6,150 - 6,150	0% 

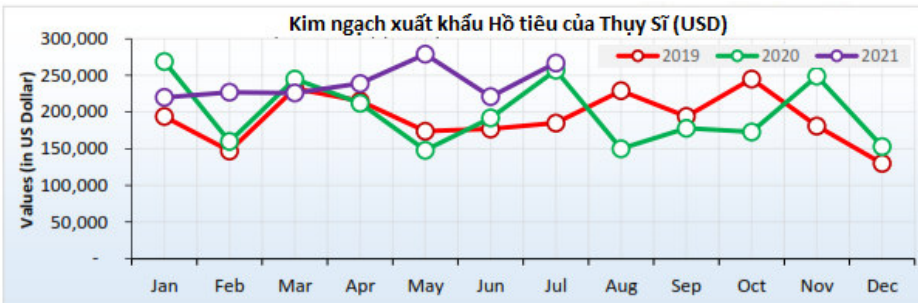
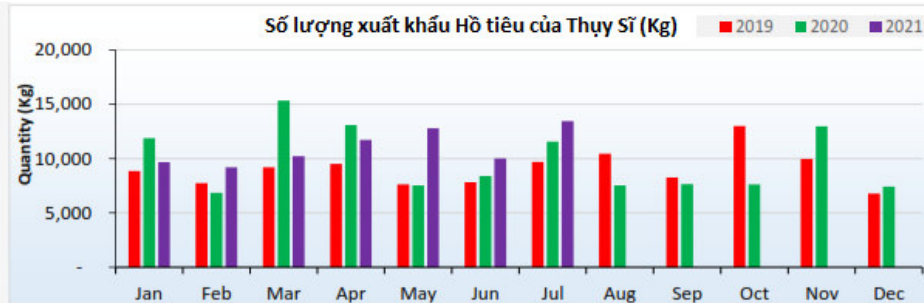
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (11/-15/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA	5,700 5,698 5,709 5,728 -	5,709 - 5,378	-1% 
 Lampung ** ASTA	4,383 4,381 4,380 4,400 4,423	4,393 - 4,371	1% 
 Kuching ASTA	5,972 5,972 5,972 5,972 5,972	5,972 - 5,972	0% 
 Ho Chi Minh 500g/l	4,390 4,390 4,390 4,390 4,390	4,390 - 4,250	3% 
 Ho Chi Minh 550g/l	4,490 4,490 4,490 4,490 4,490	4,490 - 4,350	3% 

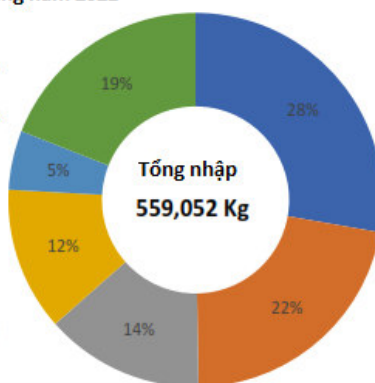
GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (11/-15/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ	7,217 7,213 7,211 7,245 7,281	7,233 - 7,197	1% 
 Kuching ASTA	8,126 8,126 8,126 8,126 8,126	8,126 - 8,126	0% 
 Ho Chi Minh FAQ	6,390 6,390 6,390 6,390 6,390	6,390 - 6,250	2% 
 Haikou FAQ	6,350 6,350 6,350 6,350 6,350	6,350 - 6,350	0% 

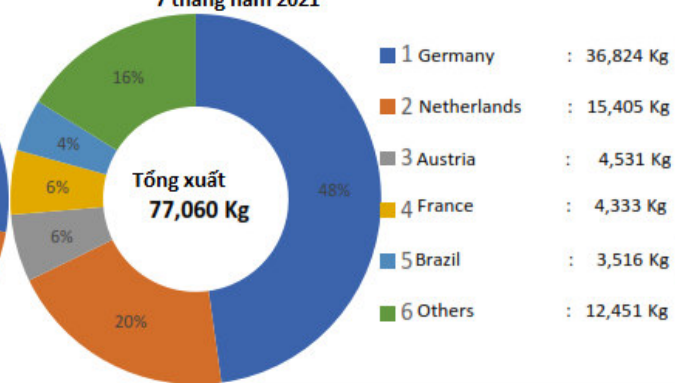
XUẤT KHẨU HỒ TIÊU CỦA THỤY SĨ



5 Quốc gia cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Thụy Sĩ
7 Tháng năm 2021



5 Quốc gia hàng đầu nhập khẩu Hồ tiêu từ Thụy Sĩ
7 tháng năm 2021



Tỉ lệ Nhập: Xuất = 7:1

**Xuất khẩu Hồ tiêu của Thụy Sĩ (2019- 2021)****2019****2020****2021***

Tổng lượng xuất (kg)

108,933

117,881

77,060

Tổng trị giá xuất ('000 \$)

\$2,303

\$2,386

\$1,679



Tiêu hạt

12%

12%

9%

Thị phần (%)

Tiêu xay

88%

88%

91%



Chênh lệch (%)

n.a

8%

3%

Tiêu hạt

\$15.01

\$17.67

\$16.80

Giá xuất khẩu (USD/kg)

Tiêu xay

\$21.99

\$20.61

\$22.27



* Tính đến tháng 7/2021

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	5,700 CF October
Lampung black (ASTA)	n.a	5,050 CF Oct/Nov/Dec
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	4,200 FOB
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	4,800 CF Oct/Nov
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	7,500 CF October
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	6,600 CF Oct/Nov

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.45	75.32	14,177	4.16	23,817	201.21
Tuần trước	6.46	74.68	14,249	4.18	23,806	200.64